

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chương trình công tác năm 2021 của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức triển khai xây dựng Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC

Ngày 31 tháng 7 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1250/TTg-CP phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược 2020).

Kết quả thực hiện Chiến lược 2020: Sau gần 8 năm thực hiện Chiến lược 2020, công tác bảo tồn đa dạng sinh học đã đạt được những kết quả chính như: Hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên và khu vực có danh hiệu quốc tế được củng cố và mở rộng, nâng tổng số khu bảo tồn hiện có lên 176 khu với tổng diện tích 2.512.530,78 ha. Đã thành lập 03 hành lang đa dạng sinh học kết nối các khu bảo tồn tại các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế và Quảng Trị với tổng diện tích 521.878,28 ha. Các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái đã được chú trọng phục hồi.

Viro bir virong ttònào tồn tại chỗ mà số lượng cá thể một, quý, hiếm đã đạt được một số kết quả tích cực: nhiều quhiều ợc một số kết quả chỗ mà số lượng cá thnhiên; ph một số kết quả chỗ mà số lượng cá thể một, quý, hiếm đãg lêni các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế gây nuôi phát triết quả chỗ mà số lượng canhu sâm ngũi phát *Panax vietnamensis*), cá anh vũ (*Semilabeo obscurus*), cá hô (*Catlocarpio siamensis*), cá lăng (*Hemibagrus guttatus*), cá chiên (*Bagarius rutilus*), cá ngutiltatusisquả *Hippocampus kellogi*)...

Việc bảo tồn nguồn gen tiếp tục được chú trọng, số lượng nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản và vi sinh vật được thu thập, lưu giữ, đánh giá tính trạng di truyền, bảo tồn và phát triển thành sản phẩm thương mại tăng 3,12 lần so với thời kỳ đầu Chiến lược; cơ chế tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đã được thiết

lập phù hợp với Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích tạo hành lang pháp lý cho việc bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với các nguồn gen trên lãnh thổ Việt Nam; hệ thống quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen đã đi vào vận hành và bảo đảm 100% cây trồng biến đổi gen được đánh giá và cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học trước khi đưa ra trồng trọt; thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen được đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường; sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái đã có nhiều kết quả, đặc biệt là thực hiện cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường; nội dung đánh giá tác động tới đa dạng sinh học đã được chú trọng trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường; tình hình buôn bán, tiêu thụ các loài động vật hoang dã nguy cấp đã từng bước được kiểm soát; chính sách, pháp luật về đa dạng sinh học từng bước được hoàn thiện; hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học ở các cấp từ Trung ương tới địa phương đã được thiết lập và từng bước được tăng cường năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của Luật Đa dạng sinh học và yêu cầu thực tiễn; công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học được thực hiện thường xuyên; hợp tác quốc tế về đa dạng sinh học tiếp tục được mở rộng và tăng cường.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Chiến lược 2020 vẫn còn một số tồn tại và hạn chế: Một số mục tiêu định lượng của Chiến lược 2020 không đạt được, như tỉ lệ diện tích khu bảo tồn trên cạn so với diện tích lãnh thổ mới đạt được 7,1% so với mục tiêu đề ra 9%, tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển so với diện tích vùng biển mới đạt được 0,19% so với mục tiêu đề ra là 0,24%...; đa dạng sinh học vẫn tiếp tục bị suy giảm về chất lượng thể hiện ở 03 cấp độ hệ sinh thái, loài và nguồn gen; số lượng các loài nguy cấp, các loài bị đe dọa tăng lên; nhiều hành lang đa dạng sinh học kết nối các khu bảo tồn theo quy hoạch chưa được xây dựng; các khu vực ngoài khu bảo tồn có giá trị đa dạng sinh học cao chưa được xác định để có kế hoạch quản lý phù hợp; hiệu quả quản lý khu bảo tồn chưa đáp ứng được yêu cầu, còn xảy ra nhiều vụ khai thác trái phép gỗ và săn bắt động vật hoang dã; việc thực thi pháp luật đa dạng sinh học chưa hiệu quả, tình trạng buôn bán trái phép các loài động vật, thực vật hoang dã và các sản phẩm của chúng vẫn diễn biến phức tạp; ngăn chặn sự du nhập các loài ngoại lai xâm hại và biện pháp kiểm soát sự lan rộng và tác động của chúng chưa được ưu tiên thực hiện; thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học còn phân tán và chưa được xây dựng đồng bộ.

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế:

Về nguyên nhân khách quan, nhu cầu sử dụng tài nguyên tiếp tục tăng cao cùng với sự gia tăng về dân số; biến đổi khí hậu tiếp tục có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và các loài sinh vật, đặc biệt là những khu vực dễ tổn thương.

Về nguyên nhân chủ quan: hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, tính hiệu lực, hiệu quả chưa cao; hệ thống bộ máy tổ chức quản lý đa dạng sinh học chưa được thiết lập đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, nguồn nhân lực mỏng, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao; công tác thực thi pháp luật còn hạn chế; hiện tượng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước thiếu cơ sở khoa

học vẫn còn diễn ra; tài chính cho đa dạng sinh học còn hạn chế; nhận thức và ý thức bảo tồn đa dạng sinh học còn chưa đầy đủ.

Đa dạng sinh học vẫn tiếp tục bị đe dọa và suy thoái, đe dọa và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, đặc biệt tình hình này có chiều hướng gia tăng do áp lực phát triển kinh tế, xã hội và biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.

Trên quy mô toàn cầu, bảo tồn đa dạng sinh học đang được đặt ra là một vấn đề cần có sự hành động cấp thiết ở các quốc gia do tình hình suy giảm đa dạng sinh học đang ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe, sự tồn tại và phát triển bền vững của nhân loại. Chính vì vậy, giai đoạn 2021-2030 được Liên hợp quốc xác định là thập niên “Phục hồi các hệ sinh thái”. Mục tiêu và yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học đã trở thành nội dung của nhiều văn kiện quốc tế quan trọng như: mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDG), Khung toàn cầu về đa dạng sinh học sau 2020 (GBF), Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới... Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Chính phủ Việt Nam cần phải có những hành động chiến lược để bảo tồn đa dạng sinh học và thực thi các nghĩa vụ quốc tế.

Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học *đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050* (sau đây viết tắt là Chiến lược 2030) được xác định là một trong những nhiệm vụ cấp thiết để đa dạng sinh học được bảo tồn, phục hồi, phát triển và dịch vụ hệ sinh thái được sử dụng bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội, mang lại lợi ích cho mọi người dân. Đồng thời, Chiến lược 2030 cũng sẽ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 01 năm 2021 phê duyệt chủ trương Việt Nam ủng hộ Cam kết của các nhà lãnh đạo thế giới về Thiên nhiên nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh về Đa dạng sinh học trong khuôn khổ Khóa họp lần thứ 75 của Đại hội đồng Liên hợp quốc.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC 2030

1. Tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược 2020

Từ năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai đánh giá và xây dựng báo cáo tổng kết việc thực hiện Chiến lược 2020; tổ chức tham vấn, lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ (cùng với Đề cương Chiến lược) và hoàn thiện báo cáo.

2. Tổ chức soạn thảo, tham vấn các bên liên quan xây dựng và hoàn thiện Chiến lược 2030

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Chiến lược 2030 tại Quyết định số 826/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 4 năm 2021. Theo đó, Trưởng ban soạn thảo là Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo cấp vụ của Văn phòng Chính phủ và 11 Bộ,

ngành liên quan (Nội vụ; Công an; Ngoại giao; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) và một số chuyên gia.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, xây dựng Dự thảo Chiến lược 2030 với sự tham gia của các thành viên Tổ biên tập, Ban soạn thảo; tổ chức họp, lấy ý kiến các chuyên gia và các tổ chức có liên quan. Bản dự thảo Chiến lược được xây dựng phù hợp với các yêu cầu, cam kết đối với các hiệp định, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn đến năm 2030, tình hình bảo tồn đa dạng sinh học hiện nay, kế thừa các kết quả và tiếp tục thực hiện các định hướng mục tiêu của Chiến lược 2020 vẫn còn phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, Ban soạn thảo đã họp và thống nhất nội dung hồ sơ gửi lấy ý kiến chính thức các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức có liên quan khác đối với Dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược 2030.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Chiến lược 2030.

III. CÁC NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC 2030

Dự thảo Chiến lược 2030 bao gồm các nội dung: 05 quan điểm, tầm nhìn và 09 mục tiêu; 10 nhiệm vụ chủ yếu; 06 nhóm giải pháp thực hiện; 12 chương trình, đề, dự án ưu tiên; nguồn vốn thực hiện Chiến lược; tổ chức thực hiện Chiến lược và Phụ lục: các chỉ tiêu giám sát và đánh giá chiến lược giai đoạn đến năm 2030. Cụ thể như sau:

1. Quan điểm

(1) Đa dạng sinh học là vốn tự nhiên quan trọng - nền tảng để bảo đảm phát triển bền vững đất nước; bảo tồn đa dạng sinh học là một trong các giải pháp then chốt nhằm thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

(2) Bảo tồn đa dạng sinh học gắn với sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

(3) Bảo tồn đa dạng sinh học là trách nhiệm của toàn xã hội, của các cơ quan quản lý, mọi tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

(4) Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

(5) Tăng cường thể chế và thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý đa dạng sinh học từ Trung ương đến địa phương; ưu tiên đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái; thực hiện tiếp cận quản lý tổng hợp hệ sinh thái và bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được coi trọng, bảo tồn, phục hồi, phát triển và sử dụng hiệu quả, tạo nền tảng phát triển bền vững kinh tế - xã hội và mang lại lợi ích cho mọi người dân.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1. Mục tiêu tổng quát

Tốc độ suy thoái hệ sinh thái và đa dạng sinh học được ngăn chặn; đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái từng bước được phục hồi, bảo tồn và sử dụng hiệu quả nhằm góp phần phát triển bền vững kinh tế xã hội, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2. Mục tiêu cụ thể: (1) Các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng được bảo vệ và phục hồi; (2) Nâng cao hiệu quả bảo tồn các loài hoang dã, đặc biệt các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; (3) Nguồn gen được duy trì bảo tồn và phát triển; (4) Sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái; (5) Kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến đa dạng sinh học; (6) Quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen; (7) Bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp; (8) Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị; (9) Thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các mục tiêu cụ thể được giám sát bởi 23 chỉ tiêu với lộ trình thực hiện đến năm 2025 và năm 2030.

4. Các nhiệm vụ chủ yếu

Dự thảo Chiến lược đã cụ thể hóa các nhiệm vụ chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu cụ thể đã đề ra, theo các nhóm nhiệm vụ tương ứng như sau:

(1) Kiểm kê, quan trắc và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học

(2) Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên

- củng cố, mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên và hành lang đa dạng sinh học;

- củng cố và mở rộng các khu vực/hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế;

- Phục hồi và cải thiện chất lượng các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng; áp dụng các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực đa dạng sinh học cao ngoài khu bảo tồn.

(3) Bảo tồn các loài hoang dã, đặc biệt các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư

(4) Tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen

(5) Sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái

(6) Kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến đa dạng sinh học

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước, phương thức canh tác, khai thác kém bền vững và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường;

- Kiểm soát nạn khai thác, buôn bán và tiêu thụ động, thực vật hoang dã;

- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen;

(7) Quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen

(8) Bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp

(9) Phát triển đa dạng sinh học đô thị

(10) Bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu

5. Các giải pháp thực hiện

(1) Hoàn thiện chính sách, pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về đa dạng sinh học

(2) Tiếp tục nâng cao ý thức trách nhiệm và huy động sự tham gia của toàn xã hội trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

(3) Đẩy mạnh lòng ghép và thực hiện các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học trong hoạch định chính sách, các dự án đầu tư công

(4) Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

(5) Bảo đảm nguồn lực tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học

(6) Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

6. Chương trình, đề án, dự án ưu tiên

Dự thảo Chiến lược cũng đã đề xuất Danh mục gồm 12 chương trình, đề án, thực hiện Chiến lược.

Một số Chương trình, đề án, dự án ưu tiên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiếp tục được thực hiện nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược.

7. Nguồn vốn thực hiện chiến lược

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định, gồm: ngân sách cho bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp Trung ương và địa phương; đầu tư, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

8. Tổ chức thực hiện chiến lược

a) Về phân công trách nhiệm thực hiện: Dự thảo Chiến lược phân công Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm điều phối, giúp Thủ tướng Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện Chiến lược. Các Bộ, cơ quan ngang

Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược. Phân giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện Chiến lược. Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, người dân tham gia thực hiện các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái.

b) Về giám sát việc thực hiện Chiến lược

Dự thảo Chiến lược yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương chủ động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về đa dạng sinh học trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của mình; định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp việc thực hiện Chiến lược; tổ chức sơ kết vào năm 2026 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2030 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

.....

Trên đây là những vấn đề chính về Dự thảo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kính trình kèm theo Tờ trình này các văn bản sau đây:

1. Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
2. Dự thảo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bản đầy đủ).
3. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
4. Văn bản góp ý và bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, TCMT.

Trần Hồng Hà